

PHỤ LỤC
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KT-XH CHỦ YẾU NĂM 2023
VÀ KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số:861 /BC-UBND, ngày 05 tháng 12 năm 2023 của UBND huyện Đắk Song)

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	NĂM 2023			Kế hoạch năm 2024
			NQ số 07-NQ/HU, ngày 16/12/2022 của Huyện ủy và NQ số 24/NQ-HĐND, ngày 21/12/2022 của HĐND huyện đề ra	Thực hiện	Tỷ lệ %	
I	Lĩnh vực kinh tế					
1	Tổng diện tích gieo trồng cây ngắn ngày	ha	10.400	10.426	100,25%	10.263 ha
2	Tổng diện tích cây công nghiệp dài ngày	ha	43.898	43.942	100,1%	44.124 ha
3	Cà phê nhân xô	Tấn	58.325	58.338	100,0%	59.586 tấn
4	Hồ tiêu	Tấn	34.887	35.298	101,17%	35.922 tấn
5	Thu ngân sách	tỷ đồng	216,29	206,29	95,37%	185 tỷ đồng
					Không đạt chỉ tiêu đề ra	
6	Chi ngân sách	tỷ đồng	446,9	470,817	105,35%	Ước thực hiện 482 tỷ (UBND tỉnh chưa giao)
7	Cấp mới GCN QSD đất	ha	200	278,14	139,07%	130 ha

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	NĂM 2023			Kế hoạch năm 2024
			NQ số 07-NQ/HU, ngày 16/12/2022 của Huyện ủy và NQ số 24/NQ-HĐND, ngày 21/12/2022 của HĐND huyện đề ra	Thực hiện	Tỷ lệ %	
8	Tổng giá trị sản xuất (hiện hành), trong đó:	Tỷ đồng		13.292		12.112
	- Giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản	Tỷ đồng	6.404	6.771		6.906
	- Giá trị CN, TTCN-XD	Tỷ đồng	2.401	3.476	144,77%	2.071 tỷ đồng Hiện tại, chủ đầu tư các dự án năng lượng tái tạo trên địa bàn huyện chưa có kế hoạch triển khai cụ thể cho năm 2024. Do đó, giá trị công nghiệp - xây dựng năm 2024 chưa bao gồm giá trị dự kiến xây dựng của các dự án năng lượng tái tạo.
	- Thương mại – dịch vụ	Tỷ đồng	2.702	3.045		3.135

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	NĂM 2023			Kế hoạch năm 2024
			NQ số 07-NQ/HU, ngày 16/12/2022 của Huyện ủy và NQ số 24/NQ-HĐND, ngày 21/12/2022 của HĐND huyện đề ra	Thực hiện	Tỷ lệ %	
	+ Trong đó: doanh thu bán lẻ hàng hóa và dịch vụ	Tỷ đồng	2.534	2.626	103,63%	
09	- Tỷ lệ cứng hóa GTNT (chỉ tính đường thôn, bon, buôn, bản); cứng hóa bao gồm: mặt đường BTXM, bê tông nhựa, láng nhựa, đá dăm, cấp phối.	%	86,52% Nhựa hóa, cứng hoá 7 km, nâng tổng số km được nhựa hóa, cứng hoá lên 178,98 km/206,86 km	86,76% Trong năm, đã nhựa hóa, cứng hoá được 7,5 km, nâng tổng số km đã nhựa hóa, cứng hoá lên 179,48 km/206,86 km	100,27%	88,09% Trong năm 2024, cập nhật lại hiện trạng tổng chiều dài đường thôn, bon, buôn, bản là 215,09 km ; dự kiến năm 2024 cứng hoá thêm 10 km; nâng tổng số Km được cứng hoá lên 189,48 km/215,09 km
	- Ghi chú: Tỷ lệ nhựa hoá, bê tông hoá đường thôn, bon, buôn, bản (theo Quyết định số 1037/QĐ-UBND ngày 22/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông ban hành Bộ tiêu chí xã NTM tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021- 2025)	%		Chiều dài đường thôn, bon, buôn, bản được nhựa hoá, bê tông hoá hiện nay là 133,07 km/206,86 km	62%	67% Trong năm 2024, cập nhật lại hiện trạng tổng chiều dài đường thôn, bon, buôn, bản là 215,09 km; dự kiến năm 2024 nhựa hóa, bê tông hóa thêm 10 km; nâng tổng số km

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	NĂM 2023			Kế hoạch năm 2024
			NQ số 07-NQ/HU, ngày 16/12/2022 của Huyện ủy và NQ số 24/NQ-HĐND, ngày 21/12/2022 của HĐND huyện đề ra	Thực hiện	Tỷ lệ %	
						được nhựa hóa, bê tông hóa lên 143,07 km/215,09 km
10	Tỷ lệ nhựa hóa đường huyện	%	94,21 Nhựa hóa 1,5 km, nâng tổng số km được nhựa hóa lên 49,26 km/52,29 km	98,08% Trong năm đã nhựa hóa được 3,53 Km, nâng tổng số Km đã nhựa hóa lên 51,29 Km/52,29 Km)	104,1%	100% Nhựa hóa, đầu tư mới 1 km, nâng tổng số km được nhựa hóa lên 52,29 km/52,29 km
11	Tỷ lệ nhựa hóa đường liên xã	%	95,22 Nhựa hóa 2,3 km, nâng tổng số km được nhựa hóa lên 105,15 km/110,43 km	95,36 Trong năm đã nhựa hóa được 2,46 km, nâng tổng số Km đã nhựa hóa lên 105,31 Km/110,43 Km	100,14%	98% Nhựa hóa 2,92 km, nâng tổng số km được nhựa hóa lên 108,23 km/110,43 km
12	Tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia	%	99,63%	99,63% (So với năm 2022, tỷ lệ số hộ sử dụng điện trên địa bàn huyện không thay đổi, tuy nhiên hệ thống điện trên địa bàn huyện đã được đầu tư, cải thiện, nâng cấp hơn. Đối với các khu vực chưa có điện, đa số dân cư	100%	99,63% Trong năm 2024, ngành điện tiếp tục đầu tư lưới điện tại các khu vực người dân tự kéo, không đảm bảo an toàn; đối với các khu vực chưa có điện, dân cư sống rải rác, thưa

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	NĂM 2023			Kế hoạch năm 2024
			NQ số 07-NQ/HU, ngày 16/12/2022 của Huyện ủy và NQ số 24/NQ-HĐND, ngày 21/12/2022 của HĐND huyện đề ra	Thực hiện	Tỷ lệ %	
				sinh sống rải rác do đó vẫn chưa thể triển khai đầu tư xây dựng mới trong thời gian tới, vì vậy tỷ lệ số hộ được sử dụng điện vẫn duy trì không tăng thêm)		thớt, nên chưa thể đầu tư xây dựng mới tại các khu vực này; do đó tỷ lệ số hộ được sử dụng điện dự kiến vẫn duy trì, không tăng thêm; tuy nhiên hệ thống điện ngày càng được cải thiện, nâng cấp hơn, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của ngành điện.
13	Thu nhập bình quân đầu người	triệu đồng/người/năm	54,5	54,7	100,36%	55,5
14	Thành lập mới hợp tác xã	HTX	01	09	900%	03
II	Lĩnh vực văn hóa – xã hội					
1	Thôn, bon, bản, TDP văn hóa	%	93	Ước thực hiện 93%	100%	93%
2	Gia đình văn hóa	%	92	Ước thực hiện 92%	100%	92%
3	Cơ quan, đơn vị văn hóa	%	95	Ước thực hiện 95%	100%	95%
4	Tỷ lệ xã NTM đạt chuẩn văn	%	7	Hiện tại có 5 xã NTM đạt	85,71%	1

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	NĂM 2023			Kế hoạch năm 2024
			NQ số 07-NQ/HU, ngày 16/12/2022 của Huyện ủy và NQ số 24/NQ-HĐND, ngày 21/12/2022 của HĐND huyện đề ra	Thực hiện	Tỷ lệ %	
	hóa			chuẩn văn hóa, dự kiến đạt 6 xã, sau khi xã Đăk Mól được công nhận nông thôn mới	Không đạt chỉ tiêu đề ra	(theo bộ tiêu chí NTM giai đoạn 2021- 2025)
5	Xây mới trường học đạt chuẩn Quốc gia	trường	02	01	50% Không đạt chỉ tiêu đề ra	03 trường
6	Duy trì kết quả huyện đạt phổ cập giáo dục – xóa mù chữ	%	100%	100%	100%	100%
7	Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT	%	(Nghị quyết số 07-NQ/HU, ngày 16/12/2022 của Huyện ủy) đề ra 98%	97,69% (có 679 học sinh đạt/695 học sinh dự thi)	99,68%	Đề xuất không đưa vào các chỉ tiêu KT-XH chủ yếu năm 2024 trình HĐND huyện, Huyện ủy quyết nghị, thông qua (do huyện không quản lý)
8	Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi suy dinh dưỡng	%	<17	16,7	đạt chỉ tiêu NQ	<17%
09	Tỷ lệ trẻ em được tiêm chủng mở rộng	%	≥95	58	61,05% Không đạt chỉ tiêu đề ra	≥95%
10	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	≤1,1%	≤1,09%	Đạt chỉ tiêu NQ	≤1,1%

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	NĂM 2023			Kế hoạch năm 2024
			NQ số 07-NQ/HU, ngày 16/12/2022 của Huyện ủy và NQ số 24/NQ-HĐND, ngày 21/12/2022 của HĐND huyện đề ra	Thực hiện	Tỷ lệ %	
11	Giữ vững 09/09 xã, thị trấn đạt chuẩn Quốc gia về y tế	xã, thị trấn	09/09	09/09	100%	09/09
12	Tỷ lệ dân số tham gia BHYT (%)	%	92	92%	100%	94%
13	Tỷ lệ hộ nghèo giảm (%)	%	giảm 0,5%	Ước giảm 1,23%	vượt chỉ tiêu NQ	giảm 0,5%
	Trong đó: tỷ lệ hộ nghèo trong dân tộc thiểu số (%)	%	giảm 1,0%	Ước giảm 2,2%	vượt chỉ tiêu NQ	giảm 1,0%
14	Đào tạo nghề; tỷ lệ lao động qua đào tạo (%) theo NQ số 07-NQ/HU, ngày 16/12/2022 của Huyện ủy đề ra	Người, %	Đào tạo nghề cho 1.900 người	Đào tạo nghề cho 1.917 người	100,1%	Đào tạo nghề cho 2.000 người
			Tỷ lệ lao động qua đào tạo 32,2%	Tỷ lệ lao động qua đào tạo 32,2%	100%	Tỷ lệ lao động qua đào tạo 34%
III	Lĩnh vực môi trường					
1	Tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước hợp vệ sinh (%)	%	93	93	100%	95%
2	Trồng mới rừng	ha	50 ha rừng trở lên (tính cả diện tích rừng do các Công ty lâm nghiệp trồng)	Trồng mới 101,1708 ha	202,34%	50 ha (tính cả diện tích rừng do các Cty lâm nghiệp trồng)
3	Quản lý bảo vệ rừng (số vụ phá rừng/điện tích bị phá)	vụ/ha	giảm 50% số vụ và diện tích bị phá so với năm 2022 (năm 2022 xảy ra 40 vụ/7,8035 ha)	Xây ra 24 vụ/3,4508 ha (giảm 16 vụ so với năm 2022, đạt chỉ tiêu NQ đề	đạt chỉ tiêu NQ đề ra	giảm 50% số vụ và diện tích bị phá so với năm trước

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	NĂM 2023			Kế hoạch năm 2024
			NQ số 07-NQ/HU, ngày 16/12/2022 của Huyện ủy và NQ số 24/NQ-HĐND, ngày 21/12/2022 của HĐND huyện đề ra	Thực hiện	Tỷ lệ %	
				ra; diện tích rừng bị phá giảm 4,3527 ha so với năm 2022, đạt chỉ tiêu NQ đề ra)		
IV	Xây dựng nông thôn mới	xã, tiêu chí	giữ vững 06 xã đạt chuẩn NTM (xã Năm N'Jang, Thuận Hà, Thuận Hạnh, Nam Bình, Đắc Hòa, Đắc Mól) đạt chuẩn NTM, có thêm 01 xã đạt chuẩn NTM, bình quân tiêu chí NTM đạt 17 tiêu chí	giữ vững 05 xã đạt chuẩn NTM (xã Năm N'Jang, Thuận Hà, Thuận Hạnh, Nam Bình, Đắc Hòa,) đạt chuẩn NTM, có thêm 01 xã đạt chuẩn NTM (Đắc Mól), bình quân tiêu chí NTM đạt 17,38 tiêu chí	Không đạt chỉ tiêu NQ đề ra	có thêm 01 xã đạt chuẩn NTM (Đắc N'Drung), lũy kế là 02 xã đạt chuẩn NTM theo bộ tiêu chí giai đoạn 2021-2025; bình quân tiêu chí NTM đạt 15 tiêu chí (theo tiêu chí mới).

*** Ghi chú: kết quả thực hiện 31 chỉ tiêu KT-XH chủ yếu năm 2023**

- a) Có **26/31** chỉ tiêu đạt và vượt chỉ tiêu NQ đề ra, chiếm 83,87%;
- b) Có **05/31** chỉ tiêu không đạt chỉ tiêu NQ đề ra, chiếm 16,13%, gồm:
- Thu ngân sách 95,37% NQ;
 - Tỷ lệ trẻ em được tiêm chủng mở rộng;
 - Tỷ lệ xã NTM đạt chuẩn văn hóa đạt 85,71% NQ;
 - Xây mới 01/02 trường học đạt chuẩn Quốc gia, đạt 50%NQ;
 - Xây dựng nông thôn mới.